

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
 PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
 QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD
 TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG
 M? H Ọ C PHẦN : CHE - 101

HỌC KỲ 4
 TÍN CHỈ 1
 LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	132214609	NGUYỄN QUANG	TỶ	K16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng		
2	152132006	NGUYỄN TU	HIẾU	K16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng		
3	152212614	TRƯỜNG QUỐC	BÔNG	K16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng		
4	152212624	TRƯỜNG THANH	PHƯƠNG	K16XDD1	4				0				V	0.0	Khăng		
5	152212670	NGUYỄN TRÍ	HÀ	K16XDD1	10				8				8	8.4	Tầm pháp Bấu		
6	152212693	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K16XDD1	0				0				V	0.0	Khăng		
7	152212703	LÊ ANH	VŨ	K16XDD1	10				7.3				8	8.2	Tầm pháp Hai		
8	152316364	NGUYỄN VĂN	VỸ	K16XDD1	8				6.8				7	7.2	Báý pháp Hai		
9	152336228	BÙI VIỆT	TÂN	K16XDD1	2				0				HP	0.0	Khăng		
10	162213213	NGUYỄN ĐỨC	B?NH	K16XDD1	10				6.8				9	8.7	Tầm pháp Báý		
11	162213216	NGUYỄN TUẤN	ĐĂNG	K16XDD1	10				6.5				7	7.5	Báý pháp Nằm		
12	162213218	NGUYỄN TRUNG	ĐỘ	K16XDD1	10				7.8				8	8.4	Tầm pháp Bấu		
13	162213221	NGÔ LÊ MINH	ĐỨC	K16XDD1	10				7.3				8	8.2	Tầm pháp Hai		
14	162213223	ĐOÀN VĂN	DUY	K16XDD1	10				8.3				8	8.5	Tầm pháp Nằm		
15	162213227	NGUYỄN VĂN	HẢI	K16XDD1	10				8.4				9	9.1	Chên pháp Mấu		
16	162213228	NGUYỄN Đ?NH	HẠNH	K16XDD1	10				8.4				8	8.5	Tầm pháp Nằm		
17	162213233	TRẦN LÊ	HIẾU	K16XDD1	10				7				9	8.7	Tầm pháp Báý		
18	162213238	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K16XDD1	10				7.5				7	7.7	Báý pháp Báý		
19	162213241	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K16XDD1	10				7.3				8	8.2	Tầm pháp Hai		
20	162213247	TRẦN ĐỨC	HÙNG	K16XDD1	8				5.3				HP	0.0	Khăng		
21	162213250	LÊ THỂ	HUY	K16XDD1	10				8.4				8	8.5	Tầm pháp Nằm		
22	162213253	ĐỖ HỮU	KHANG	K16XDD1	10				7.8				9	8.9	Tầm pháp Chên		
23	162213255	TRẦN PHƯỚC	LỊCH	K16XDD1	10				8				5	6.8	Sầu pháp Tầm		
24	162213258	LÊ DUY	LỘC	K16XDD1	10				7.5				9	8.8	Tầm pháp Tầm		
25	162213263	ĐẶNG NGỌC	LONG	K16XDD1	10				8.8				9	9.2	Chên pháp Hai		
26	162213267	HỒ THẮNG	MINH	K16XDD1	10				7				8	8.2	Tầm pháp Hai		
27	162213270	V? TRUNG	NGHĨA	K16XDD1	10				9.3				9	9.3	Chên pháp Ba		
28	162213273	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	K16XDD1	10				8.3				9	9.0	Chên		
29	162213277	TRẦN LÊ	NINH	K16XDD1	10				8.2				9	9.0	Chên		
30	162213281	NGUYỄN VIỆT	PHƯƠNG	K16XDD1	10				7.3				9	8.8	Tầm pháp Tầm		
31	162213284	LÊ THỂ	QUÂN	K16XDD1	10				7.3				9	8.8	Tầm pháp Tầm		
32	162213287	HOÀNG THANH	QUANG	K16XDD1	10				7.5				8	8.3	Tầm pháp Ba		
33	162213291	NGUYỄN THANH	SAN	K16XDD1	10				7				8	8.2	Tầm pháp Hai		
34	162213301	ĐOÀN VĂN	THANH	K16XDD1	7				5.4				7	6.6	Sầu pháp Sầu		
35	162213304	LÊ TRUNG	THÀNH	K16XDD1	10				7.3				7	7.7	Báý pháp Báý		
36	162213307	LÊ MINH	THIỆN	K16XDD1	0				0				HP	0.0	Khăng		
37	162213310	V? ĐĂNG	THỨ	K16XDD1	8				6				9	8.1	Tầm pháp Mấu		
38	162213314	HOÀNG VĂN	THƯỜNG	K16XDD1	10				7				7	7.6	Báý pháp Sầu		
39	162213317	PHAN MINH	TIẾN	K16XDD1	10				7.3				9	8.8	Tầm pháp Tầm		
40	162213328	HỒ VĂN	TRUNG	K16XDD1	10				7.3				7	7.7	Báý pháp Báý		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XDD										HỌC KỲ		4	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN: THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG										TÍNH CHỈ		1	
				M? H ỌC PHẦN : CHE - 101										LẦN THI		1	
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
41	162213331	HOÀNG NGỌC	TRƯỜNG	K16XDD1	10				8.3				9	9.0	Chèn		
42	162213337	DƯƠNG ANH	TUẤN	K16XDD1	10				8				9	9.0	Chèn		
43	162213339	VĂN HỮU	TUẤN	K16XDD1	10				5.3				5	6.1	Sầu pháy Mất		
44	162213341	TRẦN VĂN	TUẤN	K16XDD1	10				6.5				5	6.4	Sầu pháy Bấu		
45	162213342	NGÔ VIỆT	TUẤN	K16XDD1	10				8.4				10	9.6	Chèn pháy Sầu		
46	162213345	NGUYỄN TRÍ	TUẤN	K16XDD1	10				7.5				7	7.7	Báy pháy Báy		
47	162213350	TRƯƠNG CÔNG	VŨ	K16XDD1	10				7.8				9	8.9	Tầm pháy Chèn		
48	162213354	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K16XDD1	10				6.5				5	6.4	Sầu pháy Bấu		
49	162216501	NGÔ TRÍ	NGUYỄN	K16XDD1	8				6				8	7.5	Báy pháy Nằm		
50	162216630	TRẦN THÁI	BẢO	K16XDD1	10				7.8				8	8.4	Tầm pháy Bấu		
51	162216705	NGUYỄN VINH	AN	K16XDD1	10				8				9	9.0	Chèn		
52	162216913	PHAN VĂN	PHÁT	K16XDD1	8				5				6	6.2	Sầu pháy Hai		
53	162217004	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN	ANH	K16XDD1	8				6.3				9	8.1	Tầm pháy Mất		
54	162217346	BẠCH THANH	QUÍ	K16XDD1	10				6.8				7	7.6	Báy pháy Sầu		
55	162524298	ĐỒNG PHƯỚC	NHÂN	K16XDD1	10				8.5				9	9.1	Chèn pháy Mất		
56	162163166	NGUYỄN MINH	HẢI	K16XDD2	10				8.5				9	9.1	Chèn pháy Mất		
57	162213210	NGUYỄN THANH	B?NH	K16XDD2	8				8.5				9	8.7	Tầm pháy Báy		
58	162213217	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16XDD2	10				8				5	6.8	Sầu pháy Tầm		
59	162213219	LÊ NHẬT CÔNG	ĐOAN	K16XDD2	10				8.5				8	8.5	Tầm pháy Nằm		
60	162213225	TRẦN KHÁNH	DUY	K16XDD2	10				8				9	9.0	Chèn		
61	162213229	NGUYỄN VĂN	HẢO	K16XDD2	10				7.5				8	8.3	Tầm pháy Ba		
62	162213237	PHAN Đ?NH	HOÀNG	K16XDD2	10				7.5				7	7.7	Báy pháy Báy		
63	162213239	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	K16XDD2	10				9				9	9.2	Chèn pháy Hai		
64	162213252	THÁI	HUY	K16XDD2	10				7				9	8.7	Tầm pháy Báy		
65	162213256	TRẦN HOÀNG	LINH	K16XDD2	10				7.5				9	8.8	Tầm pháy Tầm		
66	162213259	ĐỖ ĐĂNG	LỢI	K16XDD2	10				7				9	8.7	Tầm pháy Báy		
67	162213262	NGUYỄN ĐẠI	LONG	K16XDD2	10				9				8	8.7	Tầm pháy Báy		
68	162213266	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	K16XDD2	8				7				8	7.8	Báy pháy Tầm		
69	162213269	NGUYỄN HOÀNG	NAM	K16XDD2	8				6				6	6.4	Sầu pháy Bấu		
70	162213271	HOÀNG NGUYỄN	NGỌC	K16XDD2	8				7				7	7.2	Báy pháy Hai		
71	162213274	HUỲNH BÁ	NGUYỄN	K16XDD2	10				6.5				8	8.0	Tầm		
72	162213278	TRẦN THANH	PHÁP	K16XDD2	10				8.5				8	8.5	Tầm pháy Nằm		
73	162213279	LƯU VŨ TẤN	PHONG	K16XDD2	0				0				V	0.0	Khăng		
74	162213283	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	K16XDD2	8				8				8	8.0	Tầm		
75	162213288	NGUYỄN THƯỢNG	QUỐC	K16XDD2	10				10				10	10	Mæ ´i		
76	162213293	NGÔ TRƯỜNG	SINH	K16XDD2	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bấu		
77	162213298	THÁI VĂN	THẠCH	K16XDD2	10				7.5				8	8.3	Tầm pháy Ba		
78	162213300	ĐOÀN NGỌC	THẠCH	K16XDD2	10				6.5				7	7.5	Báy pháy Nằm		
79	162213302	LÊ VĂN	THANH	K16XDD2	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bấu		
80	162213305	NGUYỄN TẤN	THÀNH	K16XDD2	10				8				7	7.9	Báy pháy Chèn		
81	162213308	NGUYỄN HỮU	THỜI	K16XDD2	8				7				4	5.6	Nằm pháy Sầu		
82	162213313	NGUYỄN QUANG	THƯỜNG	K16XDD2	10				7.5				6	7.2	Báy pháy Hai		
83	162213315	HÀ TRỌNG	THUY	K16XDD2	10				8				8	8.4	Tầm pháy Bấu		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K16XDD										HỌC KỲ		4	
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN HỌC PHẦN:	THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG										TÍNH CHỈ		1
				M? H Ọ C PHẦN :	CHE - 101										LẦN THI		1
STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
84	162213319	NGUYỄN PHÚC ANH	TOÀN	K16XDD2	8				8.5				9	8.7	Tạ̉m phọ̉ Baỷ		
85	162213327	NGÔ VĂN	TRUNG	K16XDD2	10				7				9	8.7	Tạ̉m phọ̉ Baỷ		
86	162213330	NGUYỄN ĐỨC	TRƯỜNG	K16XDD2	10				9				8	8.7	Tạ̉m phọ̉ Baỷ		
87	162213333	PHẠM MINH	TUẤN	K16XDD2	8				7				8	7.8	Baỷ phọ̉ Tạ̉m		
88	162213340	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	K16XDD2	8				7				7	7.2	Baỷ phọ̉ Hai		
89	162213343	L? ANH	TUẤN	K16XDD2	8				8.5				7	7.6	Baỷ phọ̉ Saũ		
90	162213346	ĐOÀN VĂN	TÙNG	K16XDD2	10				8.5				8	8.5	Tạ̉m phọ̉ Nặ̀m		
91	162213347	TRẦN HOÀNG	VIỆT	K16XDD2	0				0				V	0.0	Khặ̀ng		
92	162213349	V? Đ?NH	VŨ	K16XDD2	8				7				8	7.8	Baỷ phọ̉ Tạ̉m		
93	162213352	PHAN TUẤN	VŨ	K16XDD2	10				10				10	10	Mạ̣ 'i		
94	162213357	TRẦN VĂN	VƯƠNG	K16XDD2	10				8				9	9.0	Chặ̀n		
95	162216429	LÊ VĂN	DUNG	K16XDD2	10				7.5				4	6.1	Saũ phọ̉ Mặ́t		
96	162216497	V? ĐỨC	ANH	K16XDD2	10				7.5				9	8.8	Tạ̉m phọ̉ Tạ̉m		
97	162216500	HOÀNG LÊ SÔNG	HIỂU	K16XDD2	10				10				10	10	Mạ̣ 'i		
98	162216831	NGUYỄN	CHIẾN	K16XDD2	10				7.5				9	8.8	Tạ̉m phọ̉ Tạ̉m		
99	162217174	NGUYỄN ĐỨC	ANH	K16XDD2	10				7				9	8.7	Tạ̉m phọ̉ Baỷ		
100	162217175	PHẠM THÁI	PHƯƠNG	K16XDD2	0				0				V	0.0	Khặ̀ng		
101	162217253	HOÀNG	BI	K16XDD2	8				7.5				7	7.3	Baỷ phọ̉ Ba		
102	162223392	TRẦN TUẤN	KHANH	K16XDD2	10				8				9	9.0	Chặ̀n		
103	162314532	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	K16XDD2	10				9				8	8.7	Tạ̉m phọ̉ Baỷ		
104	162113017	THÁI ĐẠI	LỰC	K16XDD3	9				8.5				6	7.2	Baỷ phọ̉ Hai		
105	162163164	LÊ Đ?NH	DIỆP	K16XDD3	7				7				7	7.0	Baỷ		
106	162213206	NGUYỄN HOÀNG	ANH	K16XDD3	8				5.5				7	6.8	Saũ phọ̉ Tạ̉m		
107	162213207	ĐÀO NGUYỄN	BÁ	K16XDD3	10				8.5				8	8.5	Tạ̉m phọ̉ Nặ̀m		
108	162213209	V? ĐẶNG	B?O	K16XDD3	9				8				8	8.2	Tạ̉m phọ̉ Hai		
109	162213211	NGUYỄN THANH	B?NH	K16XDD3	10				7				9	8.7	Tạ̉m phọ̉ Baỷ		
110	162213214	TRẦN THANH	CẢNH	K16XDD3	10				9				8.5	8.9	Tạ̉m phọ̉ Chặ̀n		
111	162213215	TRẦN Đ?NH	CHỈNH	K16XDD3	8				8				9	8.6	Tạ̉m phọ̉ Saũ		
112	162213220	NGUYỄN ĐỨC	DOANH	K16XDD3	9				8.5				9	8.9	Tạ̉m phọ̉ Chặ̀n		
113	162213222	NGUYỄN HỮU THANH	DŨNG	K16XDD3	8				8				9	8.6	Tạ̉m phọ̉ Saũ		
114	162213226	NGUYỄN QUANG	GIỎI	K16XDD3	8				8.5				9	8.7	Tạ̉m phọ̉ Baỷ		
115	162213231	HOÀNG TRUNG	HIỂN	K16XDD3	8				8				8	8.0	Tạ̉m		
116	162213232	LƯU CÔNG	HIỂU	K16XDD3	10				8.5				8.5	8.8	Tạ̉m phọ̉ Tạ̉m		
117	162213240	NGUYỄN NGỌC	HOÀNG	K16XDD3	8				8				7.5	7.7	Baỷ phọ̉ Baỷ		
118	162213242	BẠC CẨM THÁI	HOÀNG	K16XDD3	8				8				8.5	8.3	Tạ̉m phọ̉ Ba		
119	162213249	PHẠM ĐẮC	HÙNG	K16XDD3	0				0				HP	0.0	Khặ̀ng		
120	162213251	TỪ SỸ	HUY	K16XDD3	8				7				8	7.8	Baỷ phọ̉ Tạ̉m		
121	162213254	TRẦN VƯƠNG	KHIẾT	K16XDD3	10				8.5				8.5	8.8	Tạ̉m phọ̉ Tạ̉m		
122	162213257	NGUYỄN Đ?NH	LỈNH	K16XDD3	10				8				9	9.0	Chặ̀n		
123	162213260	NGUYỄN THANH	LONG	K16XDD3	10				7				7	7.6	Baỷ phọ̉ Saũ		
124	162213265	NGUYỄN VĂN	LUÂN	K16XDD3	0				0				HP	0.0	Khặ̀ng		
125	162213268	TRẦN HẢI	NAM	K16XDD3	10				5.8				5	6.2	Saũ phọ̉ Hai		
126	162213272	NGUYỄN PHƯỚC BẢO	NGỌC	K16XDD3	9				8				8.5	8.5	Tạ̉m phọ̉ Nặ̀m		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
127	162213275	LÊ BÁ	NGUYỄN	K16XDD3	10				7.5				8.5	8.6	Tả m phấ p Sầu		
128	162213276	HỒ TÂN	NHIÊN	K16XDD3	0				0				HP	0.0	Khăng		
129	162213280	BÙI VĂN	PHÚ	K16XDD3	10				7				5	6.5	Sầu phấ p Nàm		
130	162213282	TRẦN HỮU	PHU ỜNG	K16XDD3	10				8				8	8.4	Tả m phấ p Bầ u		
131	162213285	ĐẶNG PHU ỜNG	QUANG	K16XDD3	10				7				9	8.7	Tả m phấ p Bắ y		
132	162213289	NGUYỄN BÁ MINH	QUỐC	K16XDD3	10				7.5				9	8.8	Tả m phấ p Tả m		
133	162213294	PHAN XUÂN	SINH	K16XDD3	0				0				V	0.0	Khăng		
134	162213295	PHAN XUÂN	SON	K16XDD3	8				5.5				8	7.4	Bắ y phấ p Bầ u		
135	162213296	ĐINH TRỌNG	TÂM	K16XDD3	10				9				9	9.2	Chề n phấ p Hả i		
136	162213299	NGUYỄN VĂN	THẠCH	K16XDD3	10				8				7	7.9	Bắ y phấ p Chề n		
137	162213303	LÊ CHÍ	THÀNH	K16XDD3	0				0				HP	0.0	Khăng		
138	162213309	NGUYỄN HOÀNH	THÓNG	K16XDD3	10				7.5				8	8.3	Tả m phấ p Bả		
139	162213311	TRẦN QUỐC	THU ỜNG	K16XDD3	0				0				HP	0.0	Khăng		
140	162213316	TRẦN DIỄN	THUYẾT	K16XDD3	10				5.5				6	6.7	Sầu phấ p Bắ y		
141	162213318	NGUYỄN DUY	TOÀN	K16XDD3	10				8.5				9	9.1	Chề n phấ p Mắ u		
142	162213326	TU ỜNG XUÂN	TRÚC	K16XDD3	10				7.8				8	8.4	Tả m phấ p Bầ u		
143	162213329	ĐÀO HỮU	TRU ỜNG	K16XDD3	10				7.6				8	8.3	Tả m phấ p Bả		
144	162213332	NGUYỄN NGỌC	TÚ	K16XDD3	0				0				V	0.0	Khăng		
145	162213335	PHẠM MAI QUANG	TU ẮN	K16XDD3	10				8.5				8	8.5	Tả m phấ p Nàm		
146	162213336	NGUYỄN ANH	TU ẮN	K16XDD3	7				8				8.5	8.1	Tả m phấ p Mắ u		
147	162213338	TRẦN ANH	TU ẮN	K16XDD3	8				5.5				8	7.4	Bắ y phấ p Bầ u		
148	162213344	MAI ĐỨC	TU ẮN	K16XDD3	10				8				8	8.4	Tả m phấ p Bầ u		
149	162213351	TRẦN TU ẮN	VŨ	K16XDD3	8				5				7	6.7	Sầu phấ p Bắ y		
150	162213353	NGUYỄN QUANG	VŨ	K16XDD3	10				7				8	8.2	Tả m phấ p Hả i		
151	162213355	ĐỖ MINH	VU ỜNG	K16XDD3	8				5				7	6.7	Sầu phấ p Bắ y		
152	162216808	NGUYỄN LÂM	TÙNG	K16XDD3	10				7.5				7	7.7	Bắ y phấ p Bắ y		
153	162217085	NGUYỄN DUY	THÁI	K16XDD3	8				7				8	7.8	Bắ y phấ p Tả m		
154	162217572	NGUYỄN HOÀNG THI Ể	NHÂN	K16XDD3	10				9				8.5	8.9	Tả m phấ p Chề n		
155	162217670	NGUYỄN TU ẮN	TRUNG	K16XDD3	10				5.5				8	7.8	Bắ y phấ p Tả m		
156	162223374	HUỖNH NG Ọ C	HẠNH	K16XDD3	10				8.5				8	8.5	Tả m phấ p Nàm		
157	162333778	NGUYỄN VĂN	QUANG	K16XDD3	10				8				7	7.9	Bắ y phấ p Chề n		